

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Hà Nội - Tháng 8 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6-20

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		620,707,912,036	580,258,850,898
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	126,118,416,021	104,101,066,611
1. Tiền	111		20,373,050,358	14,153,566,580
2. Các khoản tương đương tiền	112		105,745,365,663	89,947,500,031
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16,892,500,000	75,903,746,164
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	16,892,500,000	75,903,746,164
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		173,765,697,074	99,594,574,385
1. Phải thu khách hàng	131		155,180,819,102	77,742,425,515
2. Trả trước cho người bán	132		20,159,072,095	23,781,027,885
3. Các khoản phải thu khác	135		4,116,581,320	3,761,896,428
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5,690,775,443)	(5,690,775,443)
IV. Hàng tồn kho	140	7	294,397,373,355	286,442,773,473
1. Hàng tồn kho	141		294,397,373,355	286,442,773,473
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,533,925,586	14,216,690,265
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,454,246,555	3,381,095,862
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,677,935,581	8,107,768,578
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		150,000,000	150,000,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,251,743,450	2,577,825,825
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		298,589,673,432	316,380,149,198
I. Tài sản cố định	220		272,260,175,616	290,937,711,184
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	252,314,339,685	270,313,192,476
- Nguyên giá	222		394,556,530,652	401,817,874,058
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(142,242,190,967)	(131,504,681,582)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	18,136,459,567	18,815,142,344
- Nguyên giá	228		38,023,647,876	37,440,687,876
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19,887,188,309)	(18,625,545,532)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1,809,376,364	1,809,376,364
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9,243,611,437	9,097,424,693
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	12,839,160,000	8,643,660,000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	1,397,200,000	1,397,200,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4,992,748,563)	(943,435,307)
III. Tài sản dài hạn khác	260		17,085,886,379	16,345,013,321
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		15,950,878,037	15,428,241,729
2. Tài sản dài hạn khác	268		1,135,008,342	916,771,592
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		919,297,585,468	896,639,000,096

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		185,790,464,566	173,595,806,331
I. Nợ ngắn hạn	310		168,597,919,887	156,708,785,413
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	82,761,594,997	36,752,412,743
2. Phải trả người bán	312		50,584,508,091	45,273,364,066
3. Người mua trả tiền trước	313		8,629,774,956	4,426,974,747
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	12,905,132,565	37,677,268,191
5. Phải trả người lao động	315		7,024,883,337	6,048,081,153
6. Chi phí phải trả	316		830,800,050	1,355,972,840
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		5,861,225,891	25,174,711,673
II. Nợ dài hạn	330		17,192,544,679	16,887,020,918
1. Phải trả dài hạn khác	333		321,868,000	321,868,000
2. Dự phòng dài hạn khác	336		2,470,676,679	2,165,152,918
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		14,400,000,000	14,400,000,000
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		733,507,120,902	723,043,193,765
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	733,507,120,902	723,043,193,765
1. Vốn điều lệ	411		279,865,180,000	279,865,180,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191,000,000,000	191,000,000,000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(10,491,434,356)	(10,491,434,356)
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11,248,015,200	9,010,799,401
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		261,885,360,058	253,658,648,720
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		919,297,585,468	896,639,000,096



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Tài chính

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2013	Quý 2/2012	6 tháng /2013	6 Tháng/2012
1. Doanh thu bán hàng	01		207,707,327,137	169,667,472,066	335,357,547,075	304,424,954,536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,100,039,071	132,668,438	1,100,039,071	169,473,083
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	17	206,607,288,066	169,534,803,628	334,257,508,004	304,255,481,453
4. Giá vốn hàng bán	11	18	130,560,793,282	108,811,203,476	212,999,585,456	197,127,390,220
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		76,046,494,784	60,723,600,152	121,257,922,548	107,128,091,233
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	4,621,682,252	5,881,394,578	6,367,438,980	8,487,349,822
7. Chi phí tài chính	22	20	6,227,260,818	1,695,264,297	6,312,064,363	2,326,023,563
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	924,268,152		924,268,152
8. Chi phí bán hàng	24		15,942,650,219	12,743,616,270	28,296,646,711	28,082,779,961
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22,634,230,976	20,604,322,841	38,598,336,050	35,790,293,922
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		35,864,035,023	31,561,791,322	54,418,314,404	49,416,343,609
11. Thu nhập khác	31		409,024,859	355,220,391	749,756,542	646,653,714
12. Chi phí khác	32		464,960,508	293,247	319,875,074	11,425,973
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(55,935,649)	354,927,144	429,881,468	635,227,741
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		35,808,099,374	31,916,718,466	54,848,195,872	50,051,571,350
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		10,537,713,361	7,334,239,217	15,310,461,114	10,989,086,246
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		25,270,386,013	24,582,479,249	39,537,734,758	39,062,485,104



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	54,848,195,872	50,051,571,350
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	14,598,720,195	10,188,560,753
Các khoản dự phòng	03	4,356,648,338	1,694,716,665
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	622,526,127	(887,198,807)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4,941,180,473)	(6,186,146,985)
Chi phí lãi vay	06	863,199,154	924,268,152
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu</i>	08	70,348,109,213	55,785,771,128
Thay đổi các khoản phải thu	09	(70,852,380,104)	(71,809,290,780)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(7,954,599,882)	13,003,172,385
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1,734,828,531)	4,920,449,578
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	205,782,340	4,348,518,828
Tiền lãi vay đã trả	13	(1,127,998,189)	(1,013,013,686)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(41,351,982,457)	(25,146,447,036)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,566,000,000)	(4,200,000,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(54,033,897,610)	(24,110,839,583)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang	21	(2,724,905,977)	(18,031,006,062)
2. Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn	23	-	(21,906,200,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	162,606,045,571	23,694,000,000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(107,792,110,728)	(374,000,000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5,989,385,892	7,018,743,862
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	58,078,414,758	(9,598,462,200)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(8,029,311,342)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	82,907,239,589	59,410,716,124
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(37,585,978,354)	(37,909,422,702)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(27,462,819,499)	(34,208,104,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	17,858,441,736	(20,736,121,920)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	21,902,958,884	(54,445,423,703)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	104,101,066,611	119,379,463,167
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	114,390,526	(104,854,881)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	126,118,416,021	64,829,184,583



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Tài chính

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2007 và các chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Công ty có thời hạn hoạt động là 40 năm kể từ ngày 04 tháng 09 năm 2003.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Công ty có 04 chi nhánh tại các địa chỉ sau:

- Chi nhánh tại Hưng Yên, địa chỉ tại Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên
- Chi nhánh tại Đà Nẵng, địa chỉ tại 379 Ông Ích Khiêm, Đà Nẵng
- Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh. Địa chỉ tại 85 An Dương Vương, TP Hồ Chí Minh
- Chi nhánh tại Đồng Nai, địa chỉ đường số 4, KCN Biên Hòa, Đồng Nai

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 1.056 người

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chần, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn chế độ mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 04 năm 2013, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích lập khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và áp dụng cho kỳ quyết toán năm 2013 trở đi. Ban giám đốc đánh giá thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 06 năm 2013, Bộ tài chính đã ban hành thông tư 89/2013/TT-BTC (“thông tư 89”) sửa đổi bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 07 năm 2013. Ban giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính tương lai của doanh nghiệp

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

	2013 (số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	09 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị thương hiệu, kênh phân phối, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	2013 (số năm)
Thương hiệu	20
Kênh phân phối	15
Phần mềm máy tính	04
Tài sản vô hình khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trợ cấp thôi việc phải trả này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được

quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	404,807,196	507,070,175
Tiền gửi ngân hàng	19,968,243,162	13,646,496,405
Các khoản tương đương tiền (*)	105,745,365,663	89,947,500,031
	<u>126,118,416,021</u>	<u>104,101,066,611</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm.

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	8,455,077,029	16,849,633,523
Nguyên liệu, vật liệu	133,331,210,183	135,065,439,754
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2,654,991,922	1,424,337,193
Thành phẩm	142,739,138,350	129,696,761,899
Hàng hoá	7,216,955,871	3,393,631,245
Hàng gửi đi bán	-	12,969,859
	<u>294,397,373,355</u>	<u>286,442,773,473</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	175,108,134,691	193,678,087,559	14,627,083,903	9,753,044,112	8,651,523,793	401,817,874,058
Tăng trong kỳ	-	1,761,305,474	158,160,225	252,200,000	156,270,000	2,327,935,699
Điều chỉnh theo quyết toán công trình (*)	(6,117,941,129)	-	74,885,455	-	-	(6,043,055,674)
Phân loại lại	(14,685,849,132)	-	5,180,648,468	-	9,505,200,664	-
Phân loại sang chi phí trả trước (**)	-	(2,648,005,206)	(784,555,232)	-	(113,662,993)	(3,546,223,431)
Tại ngày 30/06/2013	154,304,344,430	192,791,387,827	19,256,222,819	10,005,244,112	18,199,331,464	394,556,530,652
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	20,872,247,527	97,982,197,027	4,871,308,279	5,876,397,934	1,902,530,815	131,504,681,582
Trích vào chi phí trong kỳ	3,029,670,984	7,166,567,371	823,192,202	977,739,714	1,339,907,147	13,337,077,418
Phân loại lại	(305,955,190)	-	107,930,176	-	198,025,014	-
Thanh lý	-	(2,132,291,127)	(436,115,879)	-	(31,161,027)	(2,599,568,033)
Tại ngày 30/06/2013	23,595,963,321	103,016,473,271	5,366,314,778	6,854,137,648	3,409,301,949	142,242,190,967
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/06/2013	130,708,381,109	89,774,914,556	13,889,908,041	3,151,106,464	14,790,029,515	252,314,339,685
Tại ngày 31/12/2012	154,235,887,164	95,695,890,532	9,755,775,624	3,876,646,178	6,748,992,978	270,313,192,476

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Thương hiệu VND	Kênh phân phối VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	23,494,500,000	7,831,500,000	5,427,794,189	686,893,687	37,440,687,876
Tăng trong kỳ	-	-	582,960,000	-	582,960,000
Tại ngày 30/06/2013	23,494,500,000	7,831,500,000	6,010,754,189	686,893,687	38,023,647,876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	11,086,233,347	5,249,686,520	1,721,843,809	567,781,856	18,625,545,532
Trích vào chi phí trong kỳ	613,124,010	258,181,320	390,337,447	-	1,261,642,777
Tại ngày 30/06/2013	11,699,357,357	5,507,867,840	2,112,181,256	567,781,856	19,887,188,309
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2013	11,795,142,643	2,323,632,160	3,898,572,933	119,111,831	18,136,459,567
Tại ngày 31/12/2012	12,408,266,653	2,581,813,480	3,705,950,380	119,111,831	18,815,142,344

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Lắp đặt hệ thống POS	1,809,376,364	1,809,376,364
	-	-
	1,809,376,364	1,809,376,364

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam (*)	2,395,160,000	2,395,160,000
Công ty TNHH Everpia Campuchia (**)	10,444,000,000	6,248,500,000
	12,839,160,000	8,643,660,000

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 07 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp với vốn điều lệ là 9.600.000.000 VND, số vốn các cổ đông thực góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 4.125.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan, nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất nệm và các sản phẩm liên quan. Theo Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số vốn điều lệ của công ty con này, tương đương 5.568.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, số vốn Công ty thực góp vào công ty con này là 2.395.160.000 VND.

Đầu tư vào Công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Everpia Campuchia. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số Co.2428 E/2012 ngày 13 tháng 9 năm 2012 do Bộ Thương Mại Vương Quốc Campuchia cấp với vốn điều lệ là 500.000 USD, số vốn Công ty góp vào Công ty TNHH Everpia Campuchia tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 10.444.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

của Công ty TNHH Everpia Campuchia là kinh doanh mua bán, trao đổi xuất nhập khẩu các loại hàng hóa; cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, dịch vụ đào tạo; dịch vụ tư vấn Theo Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty TNHH Everpia Campuchia thì Công ty sở hữu 100% vốn của Công ty con này.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 6.600 và giá trị là 1.397.200.000 VND.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	-	22,446,341,300
Ngân hàng TNHH MTV Shinha Việt nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (i)	40,823,900,395	-
Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Hưng Yên	-	6,536,600,017
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (ii)	41,937,694,602	7,769,471,426
	<u>82,761,594,997</u>	<u>36,752,412,743</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay sau:

- Khoản vay ngắn hạn bằng USD từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) (“Ngân hàng ANZ”) theo hợp đồng vay ngày 2 tháng 11 năm 2011 với hạn mức 2.800.000 USD, chịu lãi suất 2,25%/năm cộng chi phí vốn vay, cho mục đích mua nguyên vật liệu hoặc thanh toán các thư tín dụng chứng từ trả ngay do Ngân hàng ANZ phát hành..

Khoản vay được đảm bảo bằng:

(a) hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho tại nhà kho ở Đồng Nai và các khoản phải thu của Công ty với giá trị ít nhất bằng 100% hạn mức tiện ích;

(b) hợp đồng thế chấp dây chuyền máy móc sản xuất bông với giá trị 436.048 USD; và

(c) bất kỳ biện pháp bảo đảm hoặc hỗ trợ tín dụng nào khác có thể được cung cấp cho Ngân hàng ANZ tùy từng thời điểm.

- Khoản vay ngắn hạn bằng USD từ ngân hàng Shinhan Viet Nam– Chi nhánh Trần Duy Hưng theo số hợp đồng vay SHBVN/TDH/2012/0054 và phụ lục SHBVN/TDH/2012/0054/0001 ngày 22 tháng 3 năm 2013 thì hạn mức vay là 2.000.000 USD (hai triệu đôla Mỹ), lãi suất là 3.16%/năm, thời hạn là 6 tháng cho mục đích bổ sung vốn lưu động.

Khoản này được bảo lãnh bởi thư bảo lãnh của Mr Lee Jae Eun

- Khoản vay ngắn hạn không có bảo đảm từ Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Hưng Yên theo hợp đồng vay số 120285/VCB.HY ngày 31 tháng 7 năm 2012. Khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 7 năm 2013 và có thể được rút bằng đồng VND hoặc USD với hạn mức VND 100,000,000,000, chịu lãi suất 3.5%/năm, cho mục đích bổ sung vốn lưu động.

- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo hạn mức tín dụng là 2.000.000 USD, với thời hạn hiệu lực đến 29 tháng 4 năm 2015, chịu lãi suất 2%/năm, cho mục đích nhập khẩu.

Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tất cả các khoản thu từ tất cả các bên liên quan với trị giá ít nhất 100% giá trị tiện ích và hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho của Công ty với giá trị bằng ít nhất 100% giá trị tiện ích.

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2,250,925,824	1,712,432,996
Thuế xuất, nhập khẩu	258,446,547	258,446,547
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9,727,887,802	35,119,795,728
Thuế thu nhập cá nhân	604,881,077	530,606,856
Các loại thuế khác	62,991,315	55,986,064
	<u>12,905,132,565</u>	<u>37,677,268,191</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số dư tại ngày 01/01/2013	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	9,010,799,401	253,658,648,720	723,043,193,765
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	39,537,734,758	39,537,734,758
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (i)	-	-	-	3,803,215,799	(3,803,215,799)	-
Cổ tức đã chia (ii)	-	-	-	-	(27,507,218,000)	(27,507,218,000)
Giảm khác (iii)	-	-	-	(1,566,000,000)	(589,621)	(1,566,589,621)
Số dư tại ngày 30/06/2013	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	11,248,015,200	261,885,360,058	733,507,120,902

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 29 tháng 3 năm 2013, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được tăng thêm 3.803.215.799 VND tương đương với 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2012.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 29 tháng 3 năm 2013, Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt bằng 20% mệnh giá (1.000 VND/1 cổ phiếu).
- (iii) Chi quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trả cho các hoạt động của Công ty theo phê duyệt của Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 04 tháng 9 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 279.865.180.000 VND, tương ứng với 27,986,518 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh			Vốn thực góp tại ngày 30/06/2013	
	%	Số cổ phiếu	Số tiền VND	%	Số tiền VND
Ông Lee Jae Eun	15.92%	4,455,857	44,558,574,944	15.92%	44,558,574,944
Quý Đầu tư Red River Holdings	12.26%	3,431,564	34,315,636,232	12.26%	34,315,636,232
Các cổ đông khác	71.82%	20,099,097	200,990,968,824	71.82%	200,990,968,824
	100%	27,986,518	279,865,180,000	100%	279,865,180,000

	30/06/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27,986,518	27,986,518
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ	479,300	479,300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27,507,218	27,507,218

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác. Theo đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được coi là cùng lĩnh vực kinh doanh và là một bộ phận lập báo cáo tài chính.

16. DOANH THU

	Quý 2/2013 VND	Quý 2/2012 VND
Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm	82,569,551,579	90,520,731,030
Doanh thu thành phẩm bông	125,137,775,558	79,146,741,036
Tổng	207,707,327,137	169,667,472,066
Các khoản giảm trừ doanh thu	1,100,039,071	132,668,438
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>1,100,039,071</i>	<i>132,668,438</i>
Doanh thu thuần về bán hàng	206,607,288,066	169,534,803,628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Quý 2/2013</u>	<u>Quý 2/2012</u>
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	60,782,894,274	56,985,102,946
Giá vốn thành phẩm bông	69,777,899,008	51,826,100,530
	<u>130,560,793,282</u>	<u>108,811,203,476</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Quý 2/2013</u>	<u>Quý 2/2012</u>
	VND	VND
Doanh thu tài chính	4,621,682,252	5,881,394,578
	-	-
	<u>4,621,682,252</u>	<u>5,881,394,578</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Quý 2/2013</u>	<u>Quý 2/2012</u>
	VND	VND
Chi phí tài chính	6,227,260,818	1,695,264,297
	<u>6,227,260,818</u>	<u>1,695,264,297</u>

20. CAM KẾT GÓP VỐN

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam (*)	3,172,840,000	3,172,840,000
Công ty TNHH Everpia Campuchia (**)	-	3,751,500,000

Chi tiết cam kết góp vốn như sau:

- Thể hiện số vốn còn phải góp theo cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam ("Mattpia") dựa trên tỷ lệ góp vốn là 58% vốn điều lệ của Công ty Mattpia theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Rủi ro thị trường

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 10%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy biến động tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến các mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại cuối năm.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu.

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/06/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/06/2012</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	1,603,244,329	834,831,338
Công ty TNHH Everpia Campuchia	2,419,977,340	-
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	4,377,408,385	2,973,239,957

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	1,269,298,035	1,131,007,519
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Everpia Campuchia	3,171,530,105	3,171,530,105
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	1,946,118,252	0

Thu nhập Ban Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

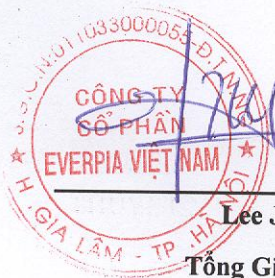
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/06/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/06/2012</u>
	VND	VND
Lương gộp và các quyền lợi khác	8,410,778,937	5,035,113,065



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Tài chính

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính